

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Hướng dẫn thực hiện thu thuế cước đối với tàu

biển nước ngoài đến kinh doanh vận chuyển hàng hoá tại các cảng biển Việt Nam

Căn cứ vào Nghị định số 55/CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế doanh thu và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế doanh thu;

Căn cứ vào Nghị định số 57/CP ngày 28 tháng 8 năm 1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế lợi tức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế lợi tức;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu thuế cước đối với các tàu biển nước ngoài đến kinh doanh vận chuyển hàng hoá tại các cảng biển trên lãnh thổ Việt Nam như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ CƯỚC

1- Đối tượng phải nộp thuế cước theo quy định Thông tư này là tất cả các tổ chức, cá nhân người nước ngoài dùng tàu biển thuộc sở hữu của mình hoặc thuê tàu thuộc sở hữu của người khác để thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hoá từ các cảng biển Việt Nam xuất khẩu hàng hoá ra nước ngoài hoặc giữa các cảng biển Việt Nam.

2- Không thu thuế cước đối với các trường hợp:

Các tổ chức cá nhân kinh doanh vận tải biển của Việt Nam hoặc công ty nước ngoài, Việt Nam liên doanh với nước ngoài được thành lập và hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã đăng ký kê khai nộp thuế doanh thu và thuế lợi tức về hoạt động vận tải biển tại cơ quan thuế Việt Nam.

II. CĂN CỨ TÍNH THUẾ CƯỚC

Thuế cước phải nộp được tính theo từng chuyến hàng vận chuyển như sau:

Thuế cước phải nộp = Tổng tiền cước vận chuyển x thuế suất quy định

1- Tiền cước vận chuyển làm căn cứ tính thuế là toàn bộ tiền cước mà các chủ tàu nước ngoài thu được từ hoạt động vận chuyển hàng hoá từ cảng xếp hàng của Việt Nam đến cảng cuối cùng bốc dỡ hàng hoá đó (bao gồm cả tiền cước của các lô hàng phải chuyển tải qua các cảng trung gian của Singapore, Hồng Kông...) hoặc vận chuyển giữa các cảng Việt Nam.

2- Thuế suất cước quy định chung là 3% (bao gồm 2% là thuế suất doanh thu và 1% là thuế suất thuế lợi tức ấn định trên cước vận chuyển).

Đối với các tàu biển mà chủ khai thác tàu thuộc nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với Việt Nam thì tùy theo quy định của Hiệp định để xác định phải nộp hay được miễn giảm thuế lợi tức (thunhập) của mức 1% trong tổng mức 3% thuế cước quy định trên đây.

Thí dụ: Hiệp định quy định cho miễn 50% thuế lợi tức, thì mức thuế cước phải nộp được xác định bằng 2,5% (2% + 50% của 1%).

Đồng tiền nộp thuế cước là đồng ngoại tệ chuyển đổi.

III. MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ CƯỚC

- 1- Các tàu biển do người nước ngoài vận chuyển dầu thô xuất khẩu của Việt Nam được giảm 60% thuế suất quy định.
- 2- Trong những trường hợp đặc biệt Nhà nước sẽ có quy định cho giảm thuế cước đối với vận chuyển một số mặt hàng cụ thể. Các đối tượng được miễn giảm, giảm nộp thuế phải có đầy đủ tài liệu chứng minh thuộc diện được miễn, giảm trình bày với cơ quan đại lý tàu biển theo từng chuyến hàng. Cơ quan đại lý tàu biển lưu giữ các tài liệu này cuối tháng tổng hợp vào "Bảng kê khai thu thuế cước" theo mẫu số 2.

IV. CÁC QUY ĐỊNH KÊ KHAI NỘP THUẾ CƯỚC VÀ KIỂM TRA THU NỘP THUẾ CƯỚC

1- Bộ Tài chính uỷ quyền cho các đơn vị làm đại lý tàu biển đã được Cục Hàng hải Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đại lý tàu biển trực tiếp thu thuế cước nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Đơn vị làm đại lý tàu biển ngoài việc đăng ký, kê khai nộp thuế về hoạt động đại lý và hoạt động kinh doanh khác của đơn vị mình phải thực hiện đăng ký nộp thuế cước với Cục thuế địa phương theo mẫu số 1 "tờ khai đăng ký nộp thuế cước vận tải biển". Tờ khai này lập thành 2 bản gửi Cục thuế kiểm tra, xác nhận (1 bản trả lại đơn vị làm đại lý tàu biển, 1 bản cơ quan thuế lưu hồ sơ theo dõi thực hiện nộp thuế.)

Khi có sự thay đổi các chỉ tiêu đã đăng ký nộp thuế cước hay thay đổi làm đại lý tàu cho các hãng tàu khác, sát nhập, phân chia, giải thể, các đơn vị làm đại lý tàu biển phải kê khai với cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi có sự thay đổi và thanh toán hết số tiền cước còn nợ Ngân sách Nhà nước.

Tờ khai đăng ký nộp thuế cước đã được cơ quan thuế xác nhận là cơ sở pháp lý xác nhận đơn vị làm đại lý tàu biển đã được cơ quan thuế uỷ quyền thu thuế cước.

2- Trách nhiệm của chủ tàu biển

a) Người nước ngoài là chủ tàu biển khi có tàu biển vào cảng của Việt Nam thực hiện việc vận chuyển hàng hoá xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hoá giữa các cảng Việt Nam, có trách nhiệm kê khai đúng doanh thu tính thuế cước, cung cấp đầy đủ các chứng từ như: Hợp đồng vận chuyển, vận đơn và các chứng từ liên quan khác cho đơn vị đại lý tàu biển làm căn cứ xác định thuế cước phải nộp.

b) Thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền thuế cước phải nộp ghi trên biên lai thu thuế cước cho chủ phương tiện lập.

Mọi thiệt hại về kinh tế do chủ phương tiện không thực hiện đúng các quy định nêu trên thì ngoài việc truy thu, phạt thuế đều do chủ phương tiện chịu.

3- Các đơn vị làm đại lý tàu biển có trách nhiệm:

Kiểm tra hợp đồng vận chuyển hàng hoá giữa các chủ tàu và chủ hàng, biểu giá cước chủ tàu công bố phải phù hợp với giá cước trên thị trường thế giới tại thời điểm thực hiện hợp đồng vận chuyển. Tính toán chính xác số thuế phải thu và

thu đúng, thu đủ, thu kịp thời thuế cước chủ tàu phải nộp.

Trường hợp chủ tàu, chủ hàng không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ các tài liệu làm cơ sở tính thuế cước, đơn vị đại lý tàu biển có quyền ấn định số thuế cước của chủ tàu phải nộp dựa trên bản lược khai hàng hoá, biểu giá cước quốc tế hoặc chứng từ có liên quan khác.

Thông báo thuế cước phải nộp cho chủ tàu biết, viết biên lai thu thuế cước (Biên lai do Bộ Tài chính phát hành theo mẫu đính kèm) trước khi tàu rời cảng. Biên lai thu thuế cước được viết thành 4 liên.

Liên 1 báo soát

Liên 2 giao cho người nộp thuế

Liên 3 dùng để thanh toán

Liên 4 lưu tại cuống Biên lai.

Hàng tháng căn cứ vào các biên lai thu thuế cước, đơn vị đại lý tàu biển lập "Bảng kê khai thu thuế cước" theo mẫu số 2 gửi cơ quan thuế vào ngày 05 hàng tháng.

Nộp đầy đủ, kịp thời tiền thuế cước phải nộp theo thông báo thuế hàng tháng của cơ quan thuế.

4- Kiểm soát thu thuế cước

Cảng vụ khi làm thủ tục cho các tàu do người nước ngoài vận chuyển rời cảng, có nhiệm vụ kiểm tra việc nộp thuế cước của chủ tàu. Việc kiểm tra căn cứ vào biên lai nộp thuế, đối chiếu với các hồ sơ liên quan. Trường hợp người vận chuyển chưa nộp hoặc chưa chấp nhận nộp thuế cước thì cảng vụ yêu cầu người vận chuyển phải nộp thuế hoặc chấp nhận nộp thuế cước trước khi cho tàu rời cảng. Trong những trường hợp đặc biệt phải cho tàu rời cảng thì cảng vụ lập biên bản với chủ tàu xác nhận việc chưa nộp thuế cước (theo mẫu đính kèm), biên bản lập thành 3 bản giao cho chủ tàu 1 bản, 1 bản gửi cục thuế địa phương, 1 bản cảng vụ lưu.

Hàng tháng căn cứ vào hồ sơ theo dõi tàu ra, tàu vào cảng, cảng vụ tổng hợp lập bảng kê về một số chỉ tiêu cần thiết (theo mẫu số... đính kèm) gửi cục thuế địa phương làm cơ sở kiểm tra việc nộp thuế cước. Bảng kê hàng tháng gửi trước ngày 05 tháng sau.

5- Kiểm tra thu, nộp thuế cước của cơ quan thuế

Cơ quan thuế có nhiệm vụ kiểm tra bảng kê khai thu thuế cước của các đơn vị đại lý tàu biển, kiểm tra đối chiếu với biên lai thu thuế cước, bảng kê về tàu ra vào cảng của cảng vụ và các chứng từ có liên quan khác.

Xác định thuế cước đơn vị đại lý phải nộp, lập thông báo nộp thuế cước hàng tháng gửi đơn vị đại lý thực hiện. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm về không thu thuế cước đúng quy định, hoặc man khai trốn thuế, thì tùy theo hành vi và sai phạm cơ quan thuế xem xét xử lý hoặc kiến nghị cơ quan pháp luật xử lý theo Luật định.

V. XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THUẾ CƯỚC

1- Các đại lý tàu biển không thực hiện đúng các quy định về đăng ký, kê khai nộp thuế cước, bị xử lý phạt hành chính theo Nghị định số 01/CP ngày 18 tháng 10 năm 1992 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế.

2- Các đại lý chậm nộp thuế cước hoặc tiền phạt vi phạm về thuế thì ngoài việc phải nộp đủ số tiền thuế, tiền phạt, theo quy định, mỗi ngày chậm nộp còn bị phạt 0,2% (2 phần nghìn) trên số tiền chậm nộp.

3- Các đại lý tàu biển nếu không thực hiện thu thuế cước của chủ tàu biển nước ngoài theo đúng quy định phải có trách nhiệm thông báo cho chủ tàu, truy thu thuế cước phải nộp, nếu không thu được mà nguyên nhân thuộc trách nhiệm đại lý, cơ quan đại lý phải nộp phạt bằng số tiền thuế cước thất thu.

Trường hợp có vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần, đơn vị và cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì phối hợp với các đại lý hàng hải, cảng vụ tổ chức thực hiện thu thuế cước theo đúng quy định tại Thông tư này.

Bộ Tài chính uỷ quyền cho cục Hàng hải Việt Nam dịch và cung cấp bản dịch Thông tư này ra tiếng Anh, gửi cho các đơn vị làm đại lý làm cơ sở pháp lý thông báo cho các hãng tàu nước ngoài vào cảng Việt Nam ký hợp đồng vận chuyển hàng hoá biết để thực hiện nộp thuế cước theo quy định.

2- Để lại một phần theo tỷ lệ % trên tổng số thuế cước thu được để chi bù đắp chi phí và khuyến khích các đơn vị trong việc thực hiện thu thuế cước như sau:

Tỷ lệ 2% đối với thuế cước thu tại Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Nam - Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Hải Phòng.

Tỷ lệ 4% đối với thuế cước thu tại các địa phương khác.

Hàng tháng căn cứ vào số thuế cước thu được, các đơn vị đại lý thực hiện trích để lại theo tỷ lệ quy định, số còn lại nộp vào Ngân sách Nhà nước. Số tiền trích để lại các đại lý được để lại 80% cho đơn vị, 20% chuyển về Cục thuế để Cục thuế chuyển cho cơ quan cảng vụ và chi thưởng cho các tổ chức, cá nhân có đóng góp trong việc tổ chức thu thuế cước, mức chi cho cảng vụ tối thiểu bằng 50% tổng số tiền các đại lý chuyển về cơ quan thuế.

3- Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-11-1994 và thay thế các thông tư và văn bản hướng dẫn, quy định về thu thuế cước đã ban hành trước đây.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc gì, đề nghị các đơn vị báo cáo về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết và hướng dẫn bổ sung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 1

TỜ KÊ KHAI ĐĂNG KÝ THU, NỘP THUẾ CƯỚC VẬN TẢI BIỂN

Kính gửi:..... (1)

1- Tên đơn vị làm đại lý tàu biển (2)

2- Họ tên giám đốc..... (3)

3- Quyết định thành lập doanh nghiệp số... ngày... cơ quan cấp...

Giấy phép Cục Hàng hải Việt Nam cấp... ngày... tháng... năm..

4- Thời gian bắt đầu làm đại lý..... (4)